



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN THỊNH PHÁT

Km 18 đường 39, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
 Hotline: 0973 90 69 69 Website: www.vincen.vn
 Email: info@vincen.vn MST : 0901015481

BẢNG GIÁ ỚNG NHỰA HDPE PE80

THƯƠNG HIỆU VINCEN
 Tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007
 (Hiệu lực từ ngày 09/09/2019 cho đến khi có thông báo mới)

STT	Đường kính (mm)	Số mét/cây (cuộn)	PN6		PN8		PN10		PN12,5		PN16		PN20	
			Chiều dày mm	Đơn giá vnd/m	Chiều dày mm	Đơn giá vnd/m	Chiều dày mm	Đơn giá vnd/m	Chiều dày mm	Đơn giá vnd/m	Chiều dày mm	Đơn giá vnd/m	Chiều dày mm	Đơn giá vnd/m
1	D20	200							2.0	8,300	2.3	10,000		
2	D25	200					2.0	10,800	2.3	12,600	3.0	15,100		
3	D32	200			2.0	14,800	2.4	17,300	3.0	20,800	3.6	24,900		
4	D40	200	2.0	18,300	2.4	22,100	3.0	26,700	3.7	32,100	4.5	38,100		
5	D50	100	2.4	28,400	3.0	34,400	3.7	41,100	4.6	49,700	5.6	58,900		
6	D63	100	3.0	43,900	3.8	54,700	4.7	65,600	5.8	79,000	7.1	93,800		
7	D75	50	3.6	62,400	4.5	77,400	5.6	93,800	6.8	110,500	8.4	132,900		
8	D90	50	4.3	100,400	5.4	112,100	6.7	132,900	8.2	159,000	10.1	190,800		
9	D110	6-9	5.3	132,400	6.6	163,000	8.1	200,800	10.0	237,900	12.3	288,800		
10	D125	6-9	6.0	170,600	7.4	208,300	9.2	256,200	11.4	309,600	14.0	370,200		
11	D140	6-9	6.7	212,000	8.3	261,200	10.3	319,400	12.7	381,900	15.7	462,600		
12	D160	6-9	7.7	278,600	9.5	340,700	11.8	419,000	14.6	502,000	17.9	607,000		
13	D180	6-9	8.6	350,400	10.7	432,100	13.3	529,800	16.4	636,700	20.1	767,200		
14	D200	6-9	9.6	435,400	11.9	536,900	14.7	659,400	18.2	785,500	22.4	954,300		
15	D225	6-9	10.8	549,000	13.4	677,900	16.6	814,500	20.5	982,500	25.2	1,180,500		
16	D250	6-9	11.9	671,700	14.8	833,100	18.4	1,007,200	22.7	1,228,600	27.9	1,458,200		
17	D280	6-9	13.4	845,300	16.6	1,045,900	20.6	1,263,400	25.4	1,539,700	31.3	1,826,800		
18	D315	6-9	15.0	1,062,500	18.7	1,323,900	23.2	1,598,400	28.6	1,924,500	35.2	2,324,000		
19	D355	6-9	16.9	1,359,200	21.1	1,668,600	26.1	2,029,300	32.2	2,442,000	39.7	2,950,100		
20	D400	6-9	19.1	1,712,600	23.7	2,130,800	29.4	2,580,100	36.3	3,099,200	44.7	3,753,200		
21	D450	6-9	21.5	2,186,000	26.7	2,679,600	33.1	3,267,000	40.9	3,917,000	50.3	4,742,000		
22	D500	6-9	23.9	2,673,900	29.7	3,329,800	36.8	4,051,400	45.4	4,872,800	55.8	5,876,300		
23	D560	6-9	26.7	3,666,000	33.2	4,501,000	41.2	5,494,000	50.8	6,636,000				
24	D630	6-9	30.0	4,632,000	37.4	5,701,000	46.3	6,944,000	57.2	7,884,000				
25	D710	6-9	33.9	5,906,000	42.1	7,245,000	52.2	8,835,000	64.5	10,696,000				
26	D800	6-9	38.1	7,486,000	47.4	9,187,000	58.8	9,436,000						
27	D900	6-9	42.9	9,472,000	53.3	11,621,000	66.2	14,198,000						
28	D100	6-9	47.7	11,703,000	59.3	14,362,000								
29	D1200	6-9	57.2	16,844,000	67.9	19,784,000								

Bảng giá trên đã bao gồm VAT 10%